

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/HS-ST
Ngày 25 - 5 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Nam

Bà Trần Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Thủ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

T V T, sinh năm 1987 tại huyện P L, tỉnh B L. Nơi cư trú: Ấp T A, xã T L, huyện G R, tỉnh K G; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T V B và bà N T Á; có vợ là T T - sinh năm 1992, có 05 người con, tiền án: Có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, tại bản án số 16/2019/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G R, tỉnh K G xử phạt 09 tháng tù, đã chấp hành hình phạt tù nhưng chưa đóng án phí nên chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Xấu.

Bị cáo bị bắt kể từ ngày 19/02/2022, đến ngày 28/02/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G R ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với bị cáo cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông D Q C, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp T A, xã T L, huyện G R,

tỉnh K G (có đơn đề nghị vắng mặt).

Người làm chứng:

- Bà L T B, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp T A, xã T L, huyện G R, tỉnh K G (có đơn đề nghị vắng mặt).

- Ông T T N, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Ấp T A, xã T L, huyện G R, tỉnh K G (có đơn đề nghị vắng mặt).

- Ông T T K, sinh năm 2005. Nơi cư trú: Ấp T A, xã T L, huyện G R, tỉnh K G (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T V T, sinh năm 1987. Ngụ tại: Ấp T A, xã T L, huyện G R, qua quan sát phát hiện nhà bà L T B ngụ cùng ấp, có 01 chiếc vỏ Composite đậu dưới sông trước nhà. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc vỏ để bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân.

Khoảng 17 giờ ngày 19/02/2022, T cùng với Da N, D B (N và B là em vợ bà con với T), tổ chức uống rượu tại nhà T, đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì nghỉ. Sau đó, N chở T và B đi đến nhà N để tiếp tục uống rượu. Khi đến nhà bà L T B do đã có ý thức trộm tài sản từ trước nên T giả vờ đã say rượu nên kêu N dừng xe lại để cho T xuống lội bộ về nhà. Sau đó, T lội xuống sông trước nhà bà B thì phát hiện vỏ và máy của anh D Q C đang đậu ở đây, T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc vỏ Composite màu trắng xanh, dài 5,4cm, nhãn hiệu H T và 01 (một) máy nổ chạy xăng nhãn hiệu Honda 6.0HP, vừa đi khoảng 03 mét thì bị ông C phát hiện truy hô nên T bị bắt quả tang. Quá trình điều tra T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình.

Về vật chứng của vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G R đã thu giữ gồm:

- 01 (một) chiếc vỏ Composite màu trắng - xanh, nhãn hiệu H T, dài 4,5m, đã qua sử dụng.

- 01 (một) máy xăng nhãn hiệu Honda 6.0HP màu đen, đã qua sử dụng. Vào ngày 09/3/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G R đã trả lại cho anh D Q C là chủ sở hữu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10/TĐG-CT/HĐĐG ngày 23/02/2022 của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự về định giá tài sản kết luận:

- 01 (một) chiếc vỏ Composite màu trắng - xanh, nhãn hiệu H T, dài 4,5m, đã qua sử dụng.

Theo giá thị trường hiện tại: Tỷ lệ còn lại: 60%.

5.600.000 đồng x 60% = 3.360.000đ.

- 01 (một) máy xăng nhãn hiệu Honda 6.0HP màu đen, đã qua sử dụng.

Theo giá thị trường hiện tại: Tỷ lệ còn lại: 40%.

5.500.000 đồng x 40% = 1.800.000đ.

Tổng cộng: 5.160.000 đồng (Năm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) (BL số: 43 - 44).

Về trách nhiệm dân sự: Ông D Q C đã nhận lại tài sản có đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện G R đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định nói trên.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo T V T mức án từ tháng 15 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ không có yêu cầu gì thêm nên Viện kiểm sát không đề nghị xem xét.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự ghi nhận việc Cơ quan điều tra công an huyện G R đã trao trả: 01 (một) chiếc vỏ Composite màu trắng - xanh, nhãn hiệu H T, dài 4,5m, đã qua sử dụng và 01 (một) máy xăng nhãn hiệu Honda 6.0HP màu đen, đã qua sử dụng cho ông D Q C là chủ sở hữu.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị. Trong thời gian tạm giam bị cáo thấy ăn năng hối hận, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo T V T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Khoảng 17 giờ ngày 19/02/2022, bị cáo cùng với N, B tổ chức uống rượu tại nhà T, đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì nghỉ. Sau đó, N chở T và B đi đến nhà N để tiếp tục uống rượu. Khi đến nhà bà B do đã có ý thức trộm tài sản từ trước nên T giả vờ đã say rượu nên kêu N dừng xe lại để cho T xuống lợi bộ về nhà, Sau đó T lợi xuống sông trước nhà bà B thì phát hiện vỏ và máy của anh C đang đậu ở đây, T đã lén lúc thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc vỏ Composite màu trắng xanh, dài 5,4cm, nhãn hiệu H T và 01 (một) máy nổ chạy xăng nhãn hiệu Honda 6.0HP, vừa đi khoảng 03 mét thì bị ông C phát hiện truy hô nên T bị bắt quả tang. Quá trình điều tra T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

[3]. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của ông C mà còn gây mất an ninh trật tự trong khu vực, làm cho người dân hoang mang bất an. Hành vi của bị cáo thể hiện rất

liều lĩnh, coi thường pháp luật, bị cáo đã chấp hành bản án về tội trộm cắp tài sản (chưa xóa án tích), nay bị cáo tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản. Nên cần phải xử nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian dài, tương xứng mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm mục đích răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra đến nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên bị cáo có nhân thân xấu.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ không có yêu cầu gì thêm nên Viện kiểm sát không đề nghị xem xét là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trao trả:

01 (một) chiếc vỏ Composite màu trắng - xanh, nhãn hiệu H T, dài 4,5m, đã qua sử dụng và 01 (một) máy xăng nhãn hiệu Honda 6.0HP màu đen, đã qua sử dụng cho ông C là chủ sở hữu.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo T V T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo T V T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt là ngày 19 tháng 02 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông D Q C đã được nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự, ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trao trả: 01 (một) chiếc vỏ Composite

màu trắng - xanh, nhãn hiệu H T, dài 4,5m, đã qua sử dụng và 01 (một) máy xăng nhãn hiệu Honda 6.0HP màu đen, đã qua sử dụng cho ông D Q C là chủ sở hữu.

4. Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/5/2022). Bị hại ông D Q C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Riềng;
- Cơ quan THA hình sự huyện Giồng Riềng;
- UBND xã, phường (tt) nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hồng Chinh